Chi tiết mã HS 3826.00.29

Mã HS	3826.00.29
Mô tả hàng hóa	Diesel sinh học và hỗn hợp của chúng, không chứa hoặc chứa dưới 70% trọng lượng là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc dầu thu được từ các khoáng bi-tum / - Diesel sinh học, không chứa dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ: / - - Este metyl từ cọ (kể cả methyl este từ hạt cọ): / - - - Loại khác (SEN)
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	11/11/2026 00:11:35
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38260029/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5549
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5549
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5549
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5419
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5380
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5380
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5380
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5380
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5380
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5380
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5424
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5424
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5424
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5424

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5424
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5424
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5422
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5422
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5422
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5422
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5422
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5422
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5424
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5386
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5382
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5382
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5382
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5382
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5382
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5382
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5391
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5391
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5391
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5391
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5391
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5391
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5432
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5432
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5432
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5432

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5432
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5432
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5433
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5433
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5433
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5433
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5433
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5433
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5436
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5436
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5436
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5436
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5436
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5436
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5405
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5405
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5405
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5405
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5405
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5405
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5407
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5407
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5407
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5407
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5407
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5407

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5405
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5405
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5405
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5405
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5405
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5405
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5405
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5426
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5426
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5426
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5426
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5426
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5426
RCEP B	2022	2022	0	B!D5426
RCEP B	2023	2023	0	B!E5426
RCEP B	2024	2024	0	B!F5426
RCEP B	2025	2025	0	B!G5426
RCEP B	2026	2026	0	B!H5426
RCEP B	2027	2027	0	B!I5426
RCEP C	2022	2022	0	C!D5426
RCEP C	2023	2023	0	C!E5426
RCEP C	2024	2024	0	C!F5426
RCEP C	2025	2025	0	C!G5426
RCEP C	2026	2026	0	C!H5426
RCEP C	2027	2027	0	C!I5426
RCEP D	2022	2022	0	D!D5426

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E5426
RCEP D	2024	2024	0	D!F5426
RCEP D	2025	2025	0	D!G5426
RCEP D	2026	2026	0	D!H5426
RCEP D	2027	2027	0	D!I5426
RCEP E	2022	2022	0	E!D5429
RCEP E	2023	2023	0	E!E5429
RCEP E	2024	2024	0	E!F5429
RCEP E	2025	2025	0	E!G5429
RCEP E	2026	2026	0	E!H5429
RCEP E	2027	2027	0	E!I5429
RCEP F	2022	2022	0	F!D5426
RCEP F	2023	2023	0	F!E5426
RCEP F	2024	2024	0	F!F5426
RCEP F	2025	2025	0	F!G5426
RCEP F	2026	2026	0	F!H5426
RCEP F	2027	2027	0	F!I5426
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4993
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4993
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4993
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4993

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3826.00 có 6 dòng thuế; dòng 3826.00.29 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác (SEN).	3826.00.10 Este metyl từ dừa (CME) (SEN); 3826.00.21 Có hàm lượng este metyl từ 96,5% trở lên nhưng không quá 98% (SEN); 3826.00.22 Có hàm lượng este metyl trên 98% (SEN); 3826.00.30 Loại khác; 3826.00.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3826.00.29. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3826.00.29 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5549), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.